

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 2- NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 28.7.2023

Phòng thi 01 (501-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm môn		Ghi chú
							Đọc	Viết	Đọc	Viết	
1	22041256	Đào Thị Thanh	An	14.08.2004	QH.2022.F.1.G4.NN	FLF1107B 3					
2	22041343	Đỗ Thị Phương	Anh	08.07.2004	QH.2022.F.1.J6.NN	FLF1107B 3					
3	22041470	Hà Kim	Anh	20.09.2004	QH.2022.F.1.J6.NN	FLF1107B 4					
4	22041355	Hoàng Thị Mai	Anh	27.07.2004	QH.2022.F.1.J2.NN3 D6	FLF1107B 1					
5	22041336	Nguyễn Phương	Anh	13.03.2004	QH.2022.F.1.J3.NN	FLF1107B 3					
6	22040757	Nguyễn Thị Hiền	Anh	30.12.2004	QH.2022.F.1.R2.NN	FLF1107B 4					
7	22041375	Nguyễn Thị Lan	Anh	14.02.2000	QH.2022.F.1.J2.NN3 D6	FLF1107B 1					
8	22041016	Nguyễn Thị Liên	Anh	06.09.2003	QH.2022.F.1.C9.NN4	FLF1107B 2					
9	22041158	Nguyễn Thị Vân	Anh	11.05.2003	QH.2022.F.1.C2.NN	FLF1107B 4					
10	22041360	Phạm Quỳnh	Anh	05.07.2004	QH.2022.F.1.J9.NN	FLF1107B 1					
11	22040948	Phùng Minh	Anh	25.08.2004	QH.2022.F.1.C7.NN4	FLF1107B 4					
12	22041030	Trần Quỳnh	Anh	24/11/2003	QH.2022.F.1.C9.NN4	FLF1107B 2					
13	22041098	Trần Thị Mai	Anh	21.02.2004	QH.2022.F.1.C8.NN4	FLF1107B 4					
14	22040760	Hoàng Ngọc	Ánh	27/11/2004	QH.2022.F.1.R2.NN	FLF1107B 2					
15	22041147	Phạm Thị Xuân	Ánh	14.03.2004	QH.2022.F.1.C4.NN	FLF1107B 1					
16	22041760	Trương Công Gia	Bình	16.01.2004	QH.2022.F.1.R1.NN	FLF1107B 4					
17	22041366	Hoàng Thị Quỳnh	Châm	16.06.2004	QH.2022.F.1.J5.NN	FLF1107B 1					
18	22041728	Lê Thị Hà	Chi	07.11.2004	QH.2022.F.1.A1.NN	FLF1107B 1					
19	22041038	Nguyễn Linh	Chi	10.11.2004	QH.2022.F.1.C1.NN	FLF1107B 1					
20	22041401	Nguyễn Hải	Đặng	02.08.2004	QH.2022.F.1.J5.NN	FLF1107B 3					
21	22041625	Đỗ Thành	Đạt	16/8/2004	QH.2022.F.1.K6.NN	FLF1107B 2					
22	22041437	Đỗ Tiến	Đạt	09.03.2004	QH.2022.F.1.J7.NN	FLF1107B 1					
23	22041233	Phí Anh	Đức	24/6/2004	QH.2022.F.1.G3.NN	FLF1107B 2					
24	22041003	Hoàng Thùy	Dung	02.03.2004	QH.2022.F.1.C6.NN4	FLF1107B 1					
25	22041117	Tạ Thị Phương	Dung	11.12.2004	QH.2022.F.1.C4.NN	FLF1107B 2					

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 2- NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 28.7.2023

Phòng thi 02 (502-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm môn		Ghi chú
							Đọc	Viết	Đọc	Viết	
1	22041028	Lôi Thị	Dương	10.05.2004	QH.2022.F.1.C5.NN	FLF1107B 1					
2	22041120	Phạm Ánh	Dương	30.10.2004	QH.2022.F.1.C1.NN	FLF1107B 1					
3	22041549	Đỗ Thị	Duyên	08.12.2004	QH.2022.F.1.K3.NN	FLF1107B 2					
4	22040793	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	28.01.2004	QH.2022.F.1.R3.NN	FLF1107B 4					
5	22041049	Cao Vũ Hương	Giang	30.11.2004	QH.2022.F.1.C9.NN4	FLF1107B 4					
6	22041090	Hoàng Hương	Giang	27.10.2004	QH.2022.F.1.C9.NN4	FLF1107B 4					
7	22040978	Khuất Hương	Giang	01.09.2004	QH.2022.F.1.C6.NN4	FLF1107B 1					
8	22041025	Lý Thị Thu	Hà	10.04.2003	QH.2022.F.1.C5.NN	FLF1107B 1					
9	22040990	Nguyễn Thị	Hân	24.10.2004	QH.2022.F.1.C7.NN4	FLF1107B 4					
10	22041557	Cù Thị Thanh	Hằng	11.05.2002	QH.2022.F.1.K4.NN	FLF1107B 2					
11	22041121	Hoàng Thị Thu	Hằng	01.01.2004	QH.2022.F.1.C3.NN	FLF1107B 1					
12	22040963	Nguyễn Minh	Hằng	14.11.2004	QH.2022.F.1.C6.NN4	FLF1107B 1					
13	22041075	Nguyễn Thanh	Hằng	05.09.2004	QH.2022.F.1.C9.NN4	FLF1107B 4					
14	22041122	Ngô Thu	Hiền	19.05.2004	QH.2022.F.1.C9.NN4	FLF1107B 4					
15	22041123	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	05.01.2004	QH.2022.F.1.C6.NN4	FLF1107B 1					
16	22041124	Bùi Thị Thu	Hoài	22/10/2004	QH.2022.F.1.C5.NN	FLF1107B 2					
17	22041125	Đình Thị Ánh	Hồng	27.12.2003	QH.2022.F.1.C6.NN4	FLF1107B 1					
18	22041573	Vũ Thị	Huế	06.07.2004	QH.2022.F.1.K4.NN	FLF1107B 4					
19	19041555	Nguyễn Tuấn	Hung	10.04.2001	QH.2019.F.1.J2.NN23	FLF1107B 1					
20	22041167	Lê Văn	Hương	17/4/2004	QH.2022.F.1.G1.NN	FLF1107B 2					
21	22041159	Nguyễn Thị Lan	Hương	05.11.2003	QH.2022.F.1.C3.NN	FLF1107B 4					
22	22041575	Trần Thị	Hương	13/8/2004	QH.2022.F.1.K4.NN	FLF1107B 2					
23	22040987	Trịnh Thị Thu	Hương	22.08.2004	QH.2022.F.1.C9.NN4	FLF1107B 4					
24	22041088	Đặng Thị	Hường	23.06.2004	QH.2022.F.1.C9.NN4	FLF1107B 4					
25	22041132	Lê Thị Thu	Hường	09.08.2004	QH.2022.F.1.C9.NN4	FLF1107B 1					

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 2- NĂM HỌC 2022-2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 28.7.2023

Phòng thi 03 (503-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm môn		Ghi chú
							Đọc	Viết	Đọc	Viết	
1	22041533	Nguyễn Thị Thúy	Hường	10.03.2004	QH.2022.F.1.K3.NN	FLF1107B 4					
2	22041611	Phạm Nguyễn Thu	Hường	13.05.2004	QH.2022.F.1.K5.NN	FLF1107B 3					
3	22041623	Hà Xuân	Huy	08.01.2004	QH.2022.F.1.K6.NN	FLF1107B 2					
4	22041683	Lương Thị Khánh	Huyền	11.07.2004	QH.2022.F.1.K7.NN	FLF1107B 4					
5	22041281	Ngô Thanh	Huyền	25/6/2004	QH.2022.F.1.J2.NN3 D6	FLF1107B 2					
6	22041223	Trần Văn	Khoa	05.11.2004	QH.2022.F.1.G3.NN	FLF1107B 1					
7	22040773	Nông Thị Giang	Khuyên	01.12.2003	QH.2022.F.1.R2.NN	FLF1107B 2					
8	22041267	Hà Thị Mai	Lan	20/4/2004	QH.2022.F.1.G4.NN	FLF1107B 2					
9	22041177	Dương Thị Hương	Lan	20.08.2003	QH.2022.F.1.G2.NN	FLF1107B 3					
10	22041664	Phan Thị Hồng	Lệ	20/7/2003	QH.2022.F.1.K7.NN	FLF1107B 2					
11	22040180	Vũ Thị	Lên	10.08.2004	QH.2022.F.1.C9.SP4	FLF1107B 3					
12	22041692	Lương Bảo	Linh	17.11.2004	QH.2022.F.1.K8.NN	FLF1107B 4					
13	22041126	Nguyễn Mai	Linh	24/7/2004	QH.2022.F.1.C2.NN	FLF1107B 2					
14	22041241	Nguyễn Phương	Linh	08.01.2004	QH.2022.F.1.G3.NN	FLF1107B 2					
15	22041010	Phạm Thùy	Linh	19/1/2004	QH.2022.F.1.C8.NN4	FLF1107B 2					
16	22041220	Tô Khánh	Linh	28/11/2000	QH.2022.F.1.G3.NN	FLF1107B 2					
17	22041224	Nguyễn Thị	Loan	15.09.2004	QH.2022.F.1.G3.NN	FLF1107B 3					
18	22040796	Phạm Khánh	Ly	28/4/2004	QH.2022.F.1.R1.NN	FLF1107B 2					
19	22040229	Hoàng Thị Sớm	Mai	23.01.2004	QH.2022.F.1.J1.SP	FLF1107B 4					
20	22040965	Vũ Văn	Mạnh	26.07.2004	QH.2022.F.1.C7.NN4	FLF1107B 4					
21	22041665	Nguyễn Giang	Nam	08.02.2004	QH.2022.F.1.K7.NN	FLF1107B 2					
22	22041484	Hồ Thị Linh	Ngân	17.10.2004	QH.2022.F.1.J3.NN	FLF1107B 4					
23	22040993	Nguyễn Thị Kim	Ngân	06.08.2004	QH.2022.F.1.C2.NN	FLF1107B 4					
24	22041285	Trịnh Hiếu	Ngân	11.10.2004	QH.2022.F.1.J4.NN	FLF1107B 2					
25	22041251	Hà Đặng Bảo	Ngọc	20.11.2004	QH.2022.F.1.G4.NN	FLF1107B 3					

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 2- NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 28.7.2023

Phòng thi 04 (504-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm môn		Ghi chú
							Đọc	Viết	Đọc	Viết	
1	22041292	Nguyễn Dương Minh	Ngọc	07.07.2004	QH.2022.F.1.J5.NN	FLF1107B 1					
2	22040034	Trương Thị	Nguyệt	03.08.2004	QH.2022.F.1.K2.NN	FLF1107B 1					
3	22041515	Đỗ Phương	Nhã	14/8/2004	QH.2022.F.1.K2.NN	FLF1107B 2					
4	22041096	Nguyễn Hồng	Nhung	27/8/2004	QH.2022.F.1.C8.NN4	FLF1107B 2					
5	22041108	Nguyễn Thị Trang	Nhung	04.09.2004	QH.2022.F.1.C8.NN4	FLF1107B 2					
6	22041657	Nguyễn Thị	Oanh	01.12.2004	QH.2022.F.1.K7.NN	FLF1107B 4					
7	22041388	Phạm Thị Kim	Oanh	09.01.2004	QH.2022.F.1.J3.NN	FLF1107B 4					
8	22040999	Cao Thanh	Phuong	01.05.2004	QH.2022.F.1.C6.NN4	FLF1107B 4					
9	22040989	Nguyễn Lê	Quyên	23.12.2004	QH.2022.F.1.C4.NN	FLF1107B 1					
10	22041391	Nguyễn Thị Thu	Quyên	5/6/2004	QH.2022.F.1.J7.NN	FLF1107B 2					
11	22041438	Đỗ Phương	Quỳnh	15/10/2004	QH.2022.F.1.J9.NN	FLF1107B 2					
12	22041245	Trần Thị	Quỳnh	24.01.2004	QH.2022.F.1.G4.NN	FLF1107B 3					
13	22040176	Vũ Thị	Sài	18.09.2004	QH.2022.F.1.C5.SP	FLF1107B 4					
14	22041363	Đỗ Đa	Thảo	25/3/2004	QH.2022.F.1.J2.NN3 D6	FLF1107B 2					
15	22041365	Lương Phương	Thảo	28.09.2003	QH.2022.F.1.J5.NN	FLF1107B 1					
16	22041129	Nguyễn Thị	Thảo	02.08.2004	QH.2022.F.1.C8.NN4	FLF1107B 1					
17	22041436	Nguyễn Anh	Thư	10.12.2004	QH.2022.F.1.J4.NN	FLF1107B 3					
18	22041014	Nhữ Minh	Thư	25/5/2004	QH.2022.F.1.C5.NN	FLF1107B 2					
19	22041047	Hoàng Thị Thu	Thủy	02.06.2003	QH.2022.F.1.C6.NN4	FLF1107B 4					
20	22041031	Nông Thị	Thùy	10.12.2004	QH.2022.F.1.C5.NN	FLF1107B 2					
21	22041416	Nguyễn Thị Hương	Trà	25/1/2004	QH.2022.F.1.J9.NN	FLF1107B 2					
22	22041607	Lê Thị Hà	Trang	30/1/2004	QH.2022.F.1.K5.NN	FLF1107B 2					
23	22040776	Lò Thị Quỳnh	Trang	02.02.2004	QH.2022.F.1.R3.NN	FLF1107B 4					
24	22041007	Lùng Thị Thu	Trang	17/6/2004	QH.2022.F.1.C8.NN4	FLF1107B 2					
25	22041626	Ngô Thị Kiều	Trang	07.11.2004	QH.2022.F.1.K6.NN	FLF1107B 3					

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc:; Viết:

Cán bộ coi thi 01:

Cán bộ coi thi 02:

Thư ký:

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1
HỌC KÌ 2- NĂM HỌC 2022-2023
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 28.7.2023

Phòng thi 05 (506-A2)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm môn		Ghi chú
							Đọc	Viết	Đọc	Viết	

Số SV đủ điều kiện thi hết học phần B1: 124 sv

Số SV không đủ điều kiện thi hết học phần B1: -08 sv

Người lập DS: Hoàng Thị Phương Loan